

Bản án số: 403 /2025/DS-PT

Ngày 18 – 9 – 2025

V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng
đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 376/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 297/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1955 (Vắng mặt);

Căn cước công dân số: 096055004215; cấp ngày: 16/02/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông M: Ông Kim Chan Đa R, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay là: Ấp B, xã T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn Ú, sinh năm 1967 (đã chết ngày 04/8/2022);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Đỗ Văn Ú:

1. Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1972 (Vợ ông Ú, vắng mặt);

2. Anh Đỗ Thương M1 (tên gọi khác: Đỗ Phúc H), sinh năm 2003 (Con ông Ú, vắng mặt).

3. Anh Đỗ Thương M2, sinh năm 1992 (Con ông Ú, vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay là: Ấp B, xã T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L:

Ông Tăng Tấn L1 là Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (Có mặt).

Ông Nguyễn Văn N, là Luật sư của Văn phòng L6 – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (Vắng mặt).

4. Anh Đỗ Minh T (con ông Ú, vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay là: Ấp E, xã T, tỉnh Cà Mau.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1972 (Vợ ông Ú, vắng mặt);

2. Anh Đỗ Thương M1 (tên gọi khác: Đỗ Phúc H), sinh năm 2003 (Con ông Ú, vắng mặt);

3. Anh Đỗ Thương M2, sinh năm 1992 (Con ông Ú, vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Ấp 2, xã Trí Phải, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Đỗ Thị Á, sinh năm 1941 (chị ruột ông M, đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Á:

4.1. Chị Trịnh Thúy H1 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm D, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nay là: Khóm D, phường A, tỉnh Cà Mau.

4.2. Anh Trịnh Thanh S, (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh.

4.3. Chị Trịnh Mỹ V, (vắng mặt);

4.4. Chị Trịnh Mỹ Đ, (vắng mặt);

4.5. Anh Trịnh Thanh B, (vắng mặt);

4.6. Chị Trịnh Mỹ T1, (vắng mặt);

4.7. Chị Trịnh Mỹ H2, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Ấp 2, xã Trí Phải, tỉnh Cà Mau

4.8. Anh Trịnh Thanh N1, (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: M, Tiền Giang.

5. Bà Đỗ Thị T6, sinh năm 1944 (chị ruột ông M, vắng mặt);

6. Ông Đỗ Văn M3, sinh năm 1946 (chết ngày 29/6/2025);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông M3:

6.1. Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: Ấp D, phường A, tỉnh Cà Mau.

6.2. Ông Đỗ Văn T2, sinh năm 1967;

6.3. Ông Đỗ Văn Tèo G, sinh năm 1972;

6.4. Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1974;

6.5. Bà Đỗ Ngọc T3, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, tỉnh Cà Mau

6.6. Bà Đỗ Ngọc B1, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau

6.7. Bà Đỗ Thị Ú1, sinh năm 1982;

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông M3: Bà Quách Ngọc L2, sinh năm: 1988; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã A, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

7. Bà Đỗ Thị T4, sinh năm 1949 (chị ruột ông M, vắng mặt);

8. Bà Đỗ Thị L3, sinh năm 1963 (em ruột ông M, vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay là: Ấp B, xã T, tỉnh Cà Mau.

9. Ông Đỗ Văn L4, sinh năm 1951 (anh ruột ông M, vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay là: Ấp B, xã T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Phường A, tỉnh Cà Mau.

10. Bà Đỗ Thị S1, sinh năm 1953 (chị ruột ông M, vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Phần Lan.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của bà S1: Anh Nguyễn Duy M4, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Số C, đường Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

11. Ông Đỗ Văn H3, sinh năm 1957 (đã chết),

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông H3:

11.1. Bà Trần Thị T5 (vợ ông H3, vắng mặt)

11.2. Chị Đỗ Thị Bé H4 (con ông H3, vắng mặt)

11.3. Chị Đỗ Thị Bé B2 (con ông H3, vắng mặt)

11.4. Chị Đỗ Thị Bé T6 (con ông H3, vắng mặt)

11.5. Chị Đỗ Thị Bé N2 (con ông H3, vắng mặt)

11.6. Chị Đỗ Thị Bé S2 (con ông H3, vắng mặt)

11.7. Anh Đỗ Ngọc T7 (con ông H3, vắng mặt)

Cùng Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Nay là: Phường H, tỉnh Cà Mau.

12. Ông Nguyễn Văn Ǻ (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay là: Ấp B, xã T, tỉnh Cà Mau.

13. Bà Lê Thị X, sinh năm 1962, (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay là: Ấp E, xã T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Văn M3, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo ông Đỗ Văn M trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông M, ông Ú1 là cụ Đỗ Ngọc T8 (chết năm 1968) và cụ Huỳnh Thị S3 (chết năm 2007) để lại. Cụ S3, cụ T8 có 10 người con gồm ông M, ông Ú1, bà Á, bà T6, ông M3, bà T4, ông L4, bà L3, bà S1, ông H3. Hiện bà Á, ông H3, ông Ú1 đã chết.

Khi còn sống, cụ T8 và cụ S3 có cho đất các con, cụ thể: Cho ông M3, ông H3 mỗi người 10 công đất ruộng; các người con còn lại mỗi người đều được cho từ 04 đến 05 công đất ruộng. Sau khi cho đất, phần đất cụ S3 còn lại 15.220m² và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/10/1993 đứng tên cụ S3, gồm: thửa 520 diện tích 980m², thửa 528 diện tích 4220m², thửa 787 diện tích 10.020m².

Đến năm 2006 do có xảy ra tranh chấp nên có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T phải hoà hoà. Tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân dân xã T ngày 26/10/2006, cụ S3 thống nhất chia phần đất theo giấy chứng nhận do cụ S3 đứng tên như sau:

+ Tại thửa 520, diện tích 980m²: Chia cho bà T6, bà T4, bà S1, bà Á, mỗi người 05m ngang, dài 20m; chia cho bà L3 06m ngang, dài 20m; chia cho ông L4 06m ngang, dài 40m; chia cho ông Ú1 08m ngang, dài 40m;

+ Phần còn lại tại thửa 520 và toàn bộ thửa 528 diện tích 4220m², thửa 787 diện tích 10.020m² cho ông M.

Trước đây, trong quá trình sống với cụ S3, ông Ú1 có cổ phần đất tại thửa 528 cho bà Đỗ Thị H5 với giá 15.000.000 đồng, tương đương 03 lượng vàng 24k và đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp ngân hàng vay 25.000.000 đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng, nên ông M cổ phần đất 06 công thuộc thửa 787 cho bà Nguyễn Thị Đ1 với giá 40.000.000 đồng để trả tiền Ngân hàng chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả tiền cổ đất để chuộc lại phần đất tại thửa 528. Phần đất còn lại khoảng 04 công thuộc thửa 787 ông M đổi cho ông Ú1 để lấy 01 máy ủi. Sau khi chuộc được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông Ú1 đang gặp khó khăn nên có kêu ông M đưa giấy chứng nhận cho ông Ú1 để vay tiền Ngân hàng. Ông M đồng ý đưa giấy chứng nhận cho ông Ú1 và ông Ú1 đã tự ý làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất sang cho ông Ú1 toàn bộ phần đất của cụ S3, bao gồm các phần đất chia cho các anh chị em của ông.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu hủy văn bản phân chia thừa kế đất cho ông Ú1, yêu cầu bà L và các con của ông Ú1 trả lại phần đất diện tích 1.474,2m² giáp Quốc lộ F và 1.800m² đất nuôi tôm. Ông thống nhất để cho các con của ông Ú1 sử dụng 550,6m², ông L4 sử dụng 287,5m² đất giáp Quốc lộ F. Thống nhất cho các con ông Ú1 sử dụng 2.420m² đất nuôi tôm. Tài sản trên đất của ai người đó sử dụng. Đối với phần đất tại thửa 787, ông M không yêu cầu giải quyết tại vụ án này.

- *Theo bà Huỳnh Thị Kim L trình bày:*

Bà L thống nhất với trình bày của ông M về nguồn gốc đất, việc chia đất cho

các người con khác của cụ S3. Đối với việc cho đất cho ông M và ông Ú1, bà L không thống nhất. Cụ thể, bà L xác định phần đất ông M yêu cầu tại thửa 528 cụ S3 cho ông Ú1, ông Ú1 sử dụng từ khi cụ S3 còn sống. Có thời gian ông Ú1 cõ phần đất cho bà H5 với giá 15.000.000 đồng tương đương 03 lượng vàng 24K, khoảng 04 năm sau ông Ú1 chuộc lại đất từ bà H5 và canh tác cho đến nay.

Trước đây, ông Ú1 sống với cụ S3, khi cưới bà L vẫn còn sống chung khoảng 04 năm, sau đó bà L và ông Ú1 ra riêng ở trên phần đất 08m ngang, dài 40m do cụ S3 cho ông Ú1 tại thửa 420. Quá trình sử dụng ông Ú1 có coi nói ra kênh được thêm 02m ngang.

Các phần đất cụ S3 cho bà T6 và bà L3, bà T6 và bà L3 đã chuyển nhượng cho người khác nhưng không làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được. Bà T4 đã cất nhà ở; bà Á thì xây cất nhà mồ; còn bà S1, ông L4 chưa cất nhà ở trên đất, vẫn còn để trống. Đối với các phần đất này ông Ú1 không phải không tách quyền sử dụng cho anh chị em mà do không tách được vì không đủ diện tích tách thửa theo quy định.

Đối với phần đất tại thửa 787, ông M đổi cho ông Ú1 04 công để lấy máy ủi, còn lại 06 công ông M cõ cho bà Đ1, ông Ú1 đã xuất tiền ra chuộc và hiện tại gia đình bà đang sử dụng phần đất này.

Nay bà L thống nhất để cho ông M sử dụng phần đất diện tích 1.474,2m² giáp Quốc lộ F và 1.800m² đất vuông. Bà L yêu cầu cho các con của ông Ú1 sử dụng 550,6m², thống nhất cho ông L4 sử dụng 287,5m² đất giáp Quốc lộ F. Yêu cầu cho các con ông Ú1 sử dụng 2.420m² đất vuông. Tài sản trên đất ai thì người đó sử dụng.

Đối với phần đất nuôi tôm, trước đây bà L cho ông Á thuê nhưng hiện tại không còn cho thuê nữa. Phần đất hiện do bà L, anh M2, anh M1 sử dụng.

- Theo ông Đỗ Văn L4 trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của ông M về nguồn gốc đất và việc chia đất của cụ T8, cụ S3 cho các con. Ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất cụ S3 cho theo đo đạc thực tế có diện tích 287,5m² giáp Quốc lộ F. Đối với ngôi miếu và cây cối trên đất ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng.

- Theo bà Đỗ Thị T6, Đỗ Thị T4, Đỗ Thị L3 trình bày:

Khi còn sống, cụ T8, cụ S3 có tạo lập được các phần đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Cụ T8, cụ S3 đã chia đất cho các con theo biên bản ông M cung cấp cho Tòa án. Việc ông Ú1 làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên đối với các phần đất của cụ T8, cụ S3 là không đúng. Tại các vụ án này, các bà không có yêu cầu gì. Các bà đã nhận và sử dụng phần đất của cha mẹ cho. Phần đất ông M yêu cầu đối với ông Ú1 và phần đất ông L4 có yêu cầu độc lập không có liên quan đến các bà. Các bà từ chối nhận di sản đối với phần đất ông M, ông L4, ông Ú1 đang tranh chấp. Đồng thời, do lớn tuổi, đi lại khó khăn nên các bà xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

- Theo ông Đỗ Văn M3 trình bày:

Ông là anh ruột của ông M, ông Ú1, là con của cụ T8, cụ S3. Khi còn sống, cụ T8 và cụ S3 có tạo lập được các phần đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà

Mau. Cụ T8 và cụ S3 đã chia đất cho các con theo biên bản ông M cung cấp cho Toà án. Tại vụ án này ông không có yêu cầu gì. Do lớn tuổi, sức khoẻ kém nên ông xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

- Theo bà Lê Thị X trình bày:

Bà X xác định bà và ông Ú1 kết hôn năm 1986, có đăng ký kết hôn nhưng hiện tại bà không còn giữ giấy chứng nhận kết hôn. Bà và ông Ú1 có 02 người con là Đỗ Minh T và Đỗ Thương M2. Năm 1994 bà và ông Ú1 ly hôn nhưng không có giải quyết tại Toà án. Anh T sống với bà, còn anh M2 sống với ông Ú1. Lý do bà và ông Ú1 không sống chung với nhau là vì lúc đó ông Ú1 sống với bà L. Bà L và ông Ú1 có 01 người con là Đỗ Thương M1.

Tại vụ án này, bà từ chối nhận di sản của ông Ú1. Bà yêu cầu Toà án giải quyết để tài sản của ông Ú1 cho 03 người con của ông Ú1.

- Theo anh Đỗ Thương M1 trình bày:

Anh M2 thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà L. Đối với phần đất nuôi tôm anh yêu cầu được sử dụng phần giáp kinh 500.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về việc yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất và đòi lại quyền sử dụng đất:

+ Ông M được tiếp tục sử dụng phần đất và các tài sản có trên đất bao gồm căn nhà, khu mộ và các tài sản khác, giáp Q, diện tích 1.474,2m² có tứ cận: Mặt tiền giáp Quốc lộ F mốc M1-M13 dài 28m; Mặt hậu giáp Kênh Chợ Hội mốc M2-M3 dài 33,61m; Cạnh phải (nhìn từ mặt tiền) giáp phần đất ông L4 đang yêu cầu tại vụ án mốc M13-M3 dài 48,23m; Cạnh trái (nhìn từ mặt tiền) giáp phần đất của ông Huỳnh Văn V1 mốc M1-M2 dài 49,20m.

+ Buộc bà L, anh M2, anh M1 trả lại cho ông M phần đất đang nuôi trồng thủy sản có diện tích 1.800m², có tứ cận: Mặt tiền giáp phần đất còn lại của cụ Huỳnh Thị S3 mốc M1-M2 dài 28,26m; Mặt hậu giáp phần đất bà L, anh M2 sử dụng mốc M7-M6 dài 26,57m; Cạnh phải (nhìn từ mặt tiền) giáp đất bà Kiều Thị N3 mốc M1-M6 dài 65,97m; Cạnh trái (nhìn từ mặt tiền) giáp Kênh Chùa mốc M2-M7 dài 65,36m.

Các phần đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Ông M có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông L4 về việc yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất.

Ông L4 được tiếp tục sử dụng phần đất và các tài sản có trên đất, giáp Q, diện tích 287,5m² có tứ cận: Mặt tiền giáp Quốc lộ F mốc M13-M12 dài 6,23m; Mặt hậu giáp Kênh Chợ Hội mốc M3-M4 dài 6,09m; Cạnh phải (nhìn từ mặt tiền) giáp phần đất bà L sử dụng mốc M12-M4 dài 47,60m; Cạnh trái (nhìn từ mặt tiền) giáp phần đất ông M đang yêu cầu tại vụ án mốc M13-M3 dài 48,23m.

Phần đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Ông L4 có quyền liên

hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/8/2024, ông Đỗ Văn M3 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, tuyên: Đất ruộng cụ Huỳnh Thị S3 đã cho ông M3 diện tích 6 công tầm cây (tầm 3mét); Huỷ bỏ biên bản ghi lời khai của Toà án nhân dân huyện Thới Bình đối với ông M3 vào ngày 18/6/2024; công nhận cho ông M3 được hưởng phần đất chiều ngang 5m chiều dài từ quốc lộ F đến kênh xáng Chợ Hội thuộc một phần trong phần đất còn lại của cụ S3 phía tiếp giáp đất Đỗ Văn L4, đất toạ lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đỗ Văn M3 thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm, giao về cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà L2 phát biểu: Ông M khởi kiện ông Ú1 đòi lại đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Ú1, nhưng án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là chia thừa kế quyền sử dụng đất. Nếu chia thừa kế thì tất cả những người thừa kế của cụ S3 đều có quyền ngang nhau. Ông M3 là người khuyết tật, có sổ hưởng trợ cấp từ năm 2014. Theo kết luận giám định số 273/2025/KLGD ngày 16/6/2025 của Trung tâm P1 thể hiện ông M3 bị hạn chế năng lực; nhưng Toà án cấp sơ thẩm không đưa người giám hộ cho ông M3 là thiếu sót. Theo biên bản hoà giải ngày 26/10/2006 thể hiện cụ S3 chỉ giao phần đất cho ông M khi cụ S3 qua đời chứ thể hiện giao cho ông M hưởng; khi hoà giải vào năm 2006 cụ S3 đã 94 tuổi nhưng không ai đặt ra tính pháp lý của biên bản hoà giải này. Từ những lý do trên, yêu cầu Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Ông Đa R phát biểu: Đến thời điểm hiện tại chưa có bản án, quyết định nào tuyên bố ông M3 bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự. Tại biên bản làm việc của Toà án đối với ông M3 ngày 28/8/2024 có ông Tèo G là con của ông M3 chứng kiến, nếu như ông M3 có bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự thì cũng có ông Tèo G giám hộ. Ông M chỉ tranh chấp với ông Ú1 trong phạm vi phần đất được cụ S3 cho theo biên bản hoà giải ngày 26/10/2006, không liên quan đến quyền lợi ông M3. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M3, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông L4 phát biểu: Việc đánh giá của Uỷ ban nhân dân xã xác định ông M3 bị tâm thần để lập hồ sơ trợ cấp xã hội cho ông M3 là chưa chính xác, vì khi đó chưa có tài liệu nào kết luận ông M3 bị mất năng lực hành vi dân sự. Trong khi đó người chứng thực hồ sơ là bà T3, là con của ông M3. Hiện nay cũng chưa có bản án, quyết định nào của Toà án tuyên bố ông M3 bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội

đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm. Giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án, do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, cụ thể: Ông M3 là người bị tâm thẩm, nhưng cấp sơ thẩm không đưa người giám hộ cho ông M3 là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Đỗ Văn M3, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ông Đỗ Văn M khởi kiện ông Đỗ Văn Ú yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất do cụ Huỳnh Thị S3 (là mẹ của ông M và ông Ú) để lại; đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp B, xã T, tỉnh Cà Mau). Khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đã có đưa ông Đỗ Văn M3 (là con cụ S3) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ông M3 đã được Tòa án cấp sơ thẩm thông báo thụ lý vụ án đối với yêu khởi kiện của ông M, nhưng ông M3 cũng không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì về việc chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất của cụ S3 để lại.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có tiến hành làm việc ghi lời khai của ông M3 vào ngày 18/6/2024, có sự chứng kiến của anh Đỗ Văn T9 G là con ruột của ông M3. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 18/6/2024 ông M3 trình bày: Cụ T8, cụ S3 đã chia đất cho các con theo tờ biên bản do ông M cung cấp, tại vụ án này ông không có yêu cầu gì. Do ông M3 xác định không có yêu cầu, nên khi giải quyết việc chia thừa kế Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét phân chia thừa kế cho ông M3 là phù hợp với quy định pháp luật về thừa kế. Do đó, đối với phần nội dung đơn kháng cáo của ông M3 yêu cầu tuyên: Đất ruộng cụ S3 đã cho ông M3 diện tích 6 công tầm cây (tầm 3mét); công nhận cho ông M3 được hưởng phần đất chiều ngang 5m chiều dài từ quốc lộ F đến kênh xáng Chợ Hội thuộc một phần trong phần đất còn lại của cụ S3, do tại cấp sơ thẩm ông M3 không có yêu cầu, cấp sơ thẩm không xem xét, nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét. Đối với phần nội dung đơn kháng cáo của ông M3 yêu cầu huỷ bỏ biên bản ghi lời khai của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình đối với ông M3 vào ngày 18/6/2024, xét thấy việc Tòa án cấp sơ lập biên bản ghi lời khai của ông M3 được thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông M3 thay đổi kháng cáo: Yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm. Xét thấy, việc ông M khởi kiện ông Ú, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, nhưng thực chất là ông M khởi kiện yêu cầu ông Ú giao trả lại cho ông M đối với phần đất mà ông M được cụ S3 phân chia theo biên bản hoà giải ngày 26/10/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, do ông M3 đang quản lý. Theo biên bản hoà giải ngày 26/10/2006 của Ủy ban nhân dân xã T thể hiện cụ S3 đã phân chia đất cho các con, trong đó có ông M, ông M3, ông Ú và mỗi người được chia phần đất riêng biệt nhau, ông M3 cũng đã nhận phần đất được phân chia. Đối với phần đất mà ông M khởi kiện yêu cầu ông Ú giao lại cho ông M cũng không liên quan đến phần đất của ông M3 được phân chia, không liên quan đến quyền lợi của ông M3.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông M3 cho rằng ông M3 bị tâm thần, hạn chế khả năng nhận thức; quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm không đưa người giám hộ cho ông M3, cũng như biên bản làm việc với ông M3 ngày 18/6/2024 không có người giám hộ cho ông M3 là vi phạm tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M3. Xét thấy, tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 273/2025/KLGĐ ngày 16/6/2025 của Trung tâm P2 kết luận: “Hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi (có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi ở các vụ việc dân sự) do mất trí mức độ nhẹ”. Như vậy, theo kết luận giám định chỉ xác định tình trạng của ông M3 tại thời điểm giám định, chứ cũng chưa có căn cứ để xác định tại thời điểm Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án cũng như thời điểm ghi lời khai ông M3 ngày 18/6/2024 ông M3 bị hạn chế khả năng nhận thức. Hiện nay cũng chưa có quyết định nào của Toà án đã có hiệu lực pháp luật về việc tuyên bố ông M3 bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự. Nên chưa có cơ sở để cho rằng Toà án cấp sơ thẩm không đưa người giám hộ cho ông M3 là vi phạm tố tụng. Do đó, không có căn cứ để huỷ bản án sơ thẩm theo yêu cầu của người đại diện của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông M3 cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[5] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông Đỗ Văn M3, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do ông M3 được miễn chịu án phí nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông M3 được miễn chịu án phí.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn M3 (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm: Bà Đỗ Thị P, ông Đỗ Văn T2, ông Đỗ Văn Tèo G, bà Đỗ Thị K, bà Đỗ Ngọc T3, bà Đỗ Ngọc B1, bà Đỗ Thị Ú1).

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau).

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn M.

+ Ông M được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất và các tài sản có trên đất bao gồm căn nhà, khu mộ và các tài sản khác, giáp Q, diện tích 1.474,2m² có tứ cận: Mặt tiền giáp Quốc lộ F mốc M1-M13 dài 28m; Mặt hậu giáp Kênh Chợ Hội mốc M2-M3 dài 33,61m; Cạnh phải (nhìn từ mặt tiền) giáp phần đất ông L4 đang yêu cầu tại vụ án mốc M13-M3 dài 48,23m; Cạnh trái (nhìn từ mặt tiền) giáp phần

đất của ông Huỳnh Văn V1 mốc M1-M2 dài 49,20m.

+ Buộc bà Huỳnh Thị Kim L, anh Đỗ Thương M2, anh Đỗ Thương M1 trả lại cho ông Đỗ Văn M phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 1.800m², có tứ cận: Mặt tiền giáp phần đất còn lại của cụ Huỳnh Thị S3 mốc M1-M2 dài 28,26m; Mặt hậu giáp phần đất bà L, anh M2 sử dụng mốc M7-M6 dài 26,57m; Cạnh phải (nhìn từ mặt tiền) giáp đất bà Kiều Thị N3 mốc M1-M6 dài 65,97m; Cạnh trái (nhìn từ mặt tiền) giáp Kênh Chùa mốc M2-M7 dài 65,36m.

Các phần đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp B, xã T, tỉnh Cà Mau).

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đỗ Văn L4.

Ông L4 được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất và các tài sản có trên đất, giáp Q, diện tích 287,5m² có tứ cận: Mặt tiền giáp Quốc lộ F mốc M13-M12 dài 6,23m; Mặt hậu giáp Kênh Chợ Hội mốc M3-M4 dài 6,09m; Cạnh phải (nhìn từ mặt tiền) giáp phần đất bà L sử dụng mốc M12-M4 dài 47,60m; Cạnh trái (nhìn từ mặt tiền) giáp phần đất ông M đang yêu cầu tại vụ án mốc M13-M3 dài 48,23m.

Phần đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp B, xã T tỉnh Cà Mau)

Ông M, ông L4 có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

- Về chi phí tố tụng:

Ông Đỗ Văn M tự chịu chi phí đo đạc số tiền 11.615.000 đồng và chi phí sao lục hồ sơ số tiền 150.000 đồng (đã nộp xong).

Ông Đỗ Văn L4 có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông M chi phí đo đạc số tiền 1.828.000 đồng.

Kể từ ngày ông M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông L4 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn M, ông Đỗ Văn L4 được miễn chịu án phí. Bà Huỳnh Thị Kim L, anh Đỗ Thương M2, anh Đỗ Thương M1 phải chịu 5.850.000 đồng.

- Về án phí phúc thẩm: Do ông Đỗ Văn M3 được miễn chịu án phí nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông M3 được miễn chịu án phí. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 2-Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 2-Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập